

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2024
V/v tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HPT ngày 11/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Kim T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Hồ Như H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 61, ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà T, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Nguyễn Kim T trình bày:

Bà Lê Nguyễn Kim T và ông Hồ Như H có tình cảm, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Khoảng thời gian đầu, bà T và ông H sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2022, bà T, ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Bà T, ông H bất đồng về quan điểm, lối sống. Cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau. Bà T, ông H đã

sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Vì vậy bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Hồ Như H.

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Như H, sinh năm 1991.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 người con chung là cháu Hồ Lê Như H1, sinh ngày 26/01/2021. Bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T hiện đang ở nhà mẹ ruột của bà T. Bà T làm công nhân có thu nhập mỗi tháng từ 7.500.000 đồng đến 8.500.000 đồng. Ông H đang ở nhà ba mẹ ruột ông H. Ông H làm tài xế xe taxi thu nhập mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.500.000 đồng.

Bị đơn ông Hồ Như H trình bày:

Bà Lê Nguyên Kim T và ông Hồ Như H có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Khoảng thời gian đầu, bà T và ông H sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2022, bà T, ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Bà T, ông H bất đồng về quan điểm, lối sống. Cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau. Bà T sống không chung thủy. Bà T, ông H đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay.

Về hôn nhân: Ông H đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 người con chung là cháu Hồ Lê Như H1, sinh ngày 26/01/2021. Ông H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H đang ở nhà ba mẹ ruột ông H. Ông H làm tài xế xe taxi thu nhập trung bình mỗi tháng là 15.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm. Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà Lê Nguyên Kim T và ông Hồ Như H, đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoảng thời gian đầu bà T, ông H sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2022, bà T, ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống. Cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau. Bà T, ông H đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Còn theo ông H thì bà T sống không chung thủy. Ông H đồng ý ly hôn với bà T. Vì vậy cần xử cho bà T được ly hôn với ông Hồ Như H.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 người con chung là cháu Hồ Lê Như H1, sinh ngày 26/01/2021. Bà T, ông H đều có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1. Không ai yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Xét thấy cháu H1 đang sống ổn định với bà T nên cần xử cho bà T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Lê Nguyên Kim T và ông Hồ Như H, đăng kí kết hôn vào ngày 17/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Hồ Như H là xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Nguyên Kim T và ông Hồ Như H, đăng kí kết hôn vào ngày 17/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoảng thời gian đầu, bà T và ông H sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2022, bà T, ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống. Cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau. Bà T, ông H đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Còn theo ông H thì bà T sống không chung thủy. Nay, bà T yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H đồng ý ly hôn với bà T.

Như vậy, giữa bà T và ông H có nhiều mâu thuẫn, bà T và ông H đã sống ly thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Lê Nguyên Kim T được ly hôn với ông Hồ Như H.

[3] *Về con chung:* Bà T và ông H có 01 người con chung là cháu Hồ Lê Như H1, sinh ngày 26/01/2021. Bà T, ông H đều có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1. Bà T, ông H không ai yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Xét thấy cháu H1 đang sống ổn định với bà T nên cần xử cho bà T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí:* Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Nguyên Kim T được ly hôn với ông Hồ Như H.

Về quan hệ con chung: Bà T và ông H có 01 người con chung là cháu Hồ Lê Như H1, sinh ngày 26/01/2021.

Xử cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Lê Như H1, sinh ngày 26/01/2021.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: 0001908 ngày 11/3/2024.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/12/2024), đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã Quảng Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan

